

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-9-2017.

*“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Hằng

2. Bà Trần Thị Hồng Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền-Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm-Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: 318 tổ X, xóm Y, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: số 23, đường Z, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2.*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: 318 tổ X, xóm Y, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có mặt, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình

chung sống ban đầu bình thường nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có lối sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng bà T đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Nay bà T xin ly hôn với ông Đ vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Có 04 người con chung là:

1. Nguyễn Ngọc Thảo L, sinh ngày 22/4/2004;
2. Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2006;
3. Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 25/02/2010;
4. Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 28/10/2013.

Ly hôn, bà T xin được nuôi cả 04 cháu và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Đ và bà T kết hôn với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng đến khoảng năm 2014 - 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do ông làm nghề xây dựng nên thỉnh thoảng có ăn nhậu với anh em, bạn bè nên khi về nhà vợ chồng thường hay cãi nhau. Vợ chồng ông Đ đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Nay bà T xin ly hôn thì ông Đ không đồng ý vì còn thương vợ thương con. Hiện nay ông Đ đã cố gắng thay đổi, giành nhiều thời gian cho gia đình hơn, ông Đ muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để nuôi dạy con cho tốt.

Về con chung: Có 04 người con chung là:

1. Nguyễn Ngọc Thảo L, sinh ngày 22/4/2004;
2. Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2006;
3. Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 25/02/2010;
4. Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 28/10/2013.

Ly hôn, ông Đ xin được nuôi 04 cháu L, N, T, Đ1 và không yêu cầu bà Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành đúng quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho bà T được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Giao 04 người con chung là: Nguyễn Ngọc Thảo L, sinh ngày

22/4/2004; Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2006; Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 25/02/2010; Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 28/10/2013 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí HNGĐ-ST: Bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/02/2017 bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện T thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự trong vụ án để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ban đầu ông Đ có đến Tòa án làm việc nhưng sau đó ông Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (huyện TN cũ), tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: số 88, quyển số 01 ngày 22/5/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình làm việc tại Tòa án, bà T, ông Đ đều thừa nhận quan hệ vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Đ nhiều lần để làm việc hòa giải nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng bà T, ông Đ không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: bà T, ông Đ có 04 người con chung là: Nguyễn Ngọc Thảo L, sinh ngày 22/4/2004; Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2006; Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 25/02/2010; Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 28/10/2013. Khi ly hôn, bà T, ông Đ đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 cháu. Nhận thấy kể từ khi bà T, ông Đ ly thân đến nay thì các cháu đều sống chung với bà T; Tòa án yêu cầu bà T, ông Đ giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con nhưng chỉ có bà T giao nộp cho Tòa án còn ông Đ không lên làm việc cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ nào khác; ngoài ra nguyện vọng của cả

04 cháu đều muốn được ở với bà Tâm nên Hội đồng xét xử giao cả 04 cháu L, N, T, Đ1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà T phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 04 cháu Nguyễn Ngọc Thảo L, sinh ngày 22/4/2004; Nguyễn Minh N, sinh ngày 07/7/2006; Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 25/02/2010; Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 28/10/2013 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung

4. Về tài sản chung: Tự hai bên thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

6. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 7208 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS H. Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã H (GCNKH số: 88, quyển số 01 ngày 22/5/2003)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Đức